TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: **11**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lẽ.
2. Ông Trần Thành Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Thoang **–** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Xuân Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1979; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. **Bị đơn**: Ông Nguyễn K**,** sinh năm: 1980; Vắng mặt có lý do.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: 140/48Vườn Lài, phường A, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 19/01/2018, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Nữ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông K kết hôn năm 2000, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, trong quá trình điều trị bệnh cho con gái lớn thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, năm 2012 bà N phát hiện ông K ngoại tình với người phụ nữ khác và vợ chồng không

sống chung với nhau từ năm 2013 đến nay. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 01/9/1999 (Chết ngày 07/7/2011 do bệnh) và Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 08/11/2003; Bà N giao con chung tên Nguyễn Thị Diễm Quỳnh cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn K trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn như bà N trình bày. Trong quá trình điều trị bệnh cho con vào năm 2011, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và do ông K làm việc tại TP.Hồ Chí Minh nên ông K không sống chung, không liên lạc với bà N từ đó đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông K đồng ý.

Về con chung: Thống nhất như bà N trình bày, hiện nay ông K đang trực tiếp nuôi con chung tên Diễm Q. Ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng ông không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nữ, cho ly hôn giữa bà N và ông K; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Q cho ông K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét; Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn K có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt.

***Về quan hệ hôn nhân*:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn K tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển

số 01/2000+2001, ngày 29/9/2000), trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung, không liên lạc, quan tâm nhau, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn K.

Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 08/11/2003. Hiện nay, em Q đang học tập và sống chung với ông K ở TP. Hồ Chí Minh, em Q có nguyện vọng ở với cha nên để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao con chung cho ông K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Bà N và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Trần Thị N phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007873 ngày 08/02/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn K.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 08/11/2003 cho ông Nguyễn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên

HĐXX không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Trần Thị N phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007873 ngày 08/02/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện P.Hòa*
- *TAND tỉnh Phú Yên*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Nguyễn Thanh Hưng